

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HSST

Ngày 13 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lèo Thị Chan.

2. Ông Lê Bắc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lờ A T, tên gọi khác: Lờ A T; sinh ngày 15 tháng 5 năm 1992; Sinh tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản TL, xã LC, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lờ A C, sinh năm 1971; con bà Sùng Thị C, sinh năm 1973; Bị cáo có vợ thứ nhất là chị Sùng Thị S, vợ thứ hai là chị Phàng Thị C (đều đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 20/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm 9 tháng tù về tội: Tội vận chuyển trái phép vật liệu nổ (đã xóa án tích); Hiện nay bị cáo Lờ A T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hồng Ca - Cục C10 - Bộ Công an theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2017/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái; Xử phạt bị cáo Lờ A T 08 (tám) năm tù về tội; Tội mua bán người, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23/5/2017. Được trích xuất từ Trại giam Hồng Ca đến Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La cho đến nay bị cáo “có mặt”.

2. Lờ A K, tên gọi khác: Lờ A K, Lờ A C; sinh ngày 15 tháng 8 năm 1992. Sinh tại huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản DCN, xã LC, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 9/12;

dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lờ A P (P), sinh năm 1959, con bà Giàng Thị G, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ thứ nhất là Giàng Thị D (đã ly hôn), vợ thứ hai là Giàng Thị X, sinh năm 1998; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2022; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 145/2016/ HSST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; Xử phạt bị cáo Lờ A K 06 năm tù về tội: Tội mua bán người, chấp hành song hình phạt tù ngày 21/6/2020. Hiện bị cáo Lờ A K đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La từ ngày 08/9/2023 cho đến nay bị cáo “có mặt”.

- *Người bị hại:* Chị Sông Thị N, sinh năm: 1998; Địa chỉ: Bản TT, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La “vắng mặt”.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Ông Sông A S sinh năm: 1977; địa chỉ: Bản TT, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (*bố đẻ bị hại*) “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Sông A S, sinh năm: 1977; địa chỉ: Bản TT, xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La “có mặt”.

2. Ông Lờ A C, sinh năm: 1971; địa chỉ: Bản HTL, xã LC, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái “có mặt”.

- *Người phiên dịch:* Ông Tánh Lao T, địa chỉ: Thôn , xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được đơn của ông Sông A S, sinh năm 1977, trú tại bản DB (*nay là bản TT*), xã KB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tố giác Lờ A T, sinh năm 1992 trú tại bản HL, xã LC, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Đã có hành vi đưa con gái của ông S là chị Sông Thị N bán sang Trung Quốc.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Lờ A T và Lờ A K về tội: Tội mua bán người quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La. Tuy nhiên quá trình điều tra mặc dù Lờ A T, Lờ A K thừa nhận hành vi phạm tội nhưng không xác định được nạn nhân đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ vụ án và tạm đình chỉ bị can.

Đến ngày 07/6/2023, chị Sông Thị N từ Trung Quốc về Việt Nam viết đơn tố giác hành vi mua bán người của Lờ A T và Lờ A K. Ngày 22/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La đã Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Lờ A T và Lờ A K.

Quá trình điều tra các bị cáo Lờ A T và bị cáo Lờ A Khài khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng tháng 11/2015, Lờ A T (*tên gọi khác là Tr*) đến giúp ông Sông A S sinh năm 1977, trú tại: Bản DB (nay là bản TT), xã KB, huyện Phù Yên (*là chú họ của T*) thu hoạch ngô. Trong thời gian đó, T làm quen với Sông Thị N, sinh năm 1998 (*con gái ông S lấy chồng và sinh sống tại bản SV, xã KB, huyện Phù Yên*). T biết cuộc sống vợ chồng của N không hạnh phúc nên T bảo với N bỏ đi với T thì T sẽ tìm việc làm cho N. T ở nhà ông S khoảng một tuần thì quay về nhà ở huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. T và N vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến cuối năm 2015, Lờ A T đi làm thuê tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, T quen biết với một người tên là S (*dân tộc Mông, quốc tịch Trung Quốc*), S đã cho T số điện thoại để liên lạc. Đến cuối tháng 01/2016, T về nhà ăn tết có gọi điện nói chuyện với N, biết N muốn sang Trung Quốc nên T gọi điện thoại cho S để hỏi S có nhận phụ nữ Việt Nam không. S đồng ý và thỏa thuận giá từ 20.000.000VNĐ đến 30.000.000VNĐ đối với người phụ nữ đã có chồng và từ 30.000.000VNĐ đến 40.000.000VNĐ đối với người chưa có chồng và có ngoại hình xinh đẹp. Ngày 04/02/2016, N bị chồng chửi, mắng nên N bỏ nhà vào rừng gọi điện thoại bảo T đến đón. T điều khiển xe mô tô đi từ huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đến địa phận bản P, xã TT, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đón và chở N đi về Mù Cang Chải. Khi đến xã TL, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thì T nhận được điện thoại của bà Sùng Thị S (*là mẹ của T*) nói là có ông Sông A S gọi điện thoại nói không thấy N ở nhà và nghi ngờ N đang đi cùng với T nên ông S yêu cầu T buổi tối ở nhà để ông S sang nói chuyện. Nghe bà S nói vậy, sợ bị lộ việc đưa N sang Trung Quốc nên T gọi điện cho Lờ A K (*bạn của T, có tên gọi khác là Kh, C*) nói với K việc đưa N sang Trung Quốc bán nhưng do người nhà của N biết nên T không đi được, T bảo K đưa N sang bên đó, K đồng ý. T hẹn gặp K tại ngã ba Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T đưa N đến điểm hẹn gặp K, cả ba người vào quán ở gần đường ăn cơm. Tại đây, T gọi điện thoại bảo với S do bận việc không đi được nên để K đưa N sang Trung Quốc giao cho S. Sau đó, T cho số điện thoại của S cho K và dặn, sau khi giao N cho S thì nhận số tiền 20.000.000VNĐ. Sau khi ăn cơm xong, T quay về huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái còn K điều khiển xe mô tô chở N lên khu vực biên giới gần cửa khẩu Ma Lù Thàng, tỉnh Lai Châu. Đến khoảng 6 giờ ngày 05/02/2016, K và N đi theo đường tiểu ngạch đến một con suối sát biên giới, K gọi điện thoại cho S thì S bảo đưa người đi sang bờ bên kia. K để lại xe mô tô và cùng N đi bộ lội qua suối đến địa phận Trung Quốc, gặp một người đàn ông và một người phụ nữ người Mông (*Không biết tên, địa chỉ của người phụ nữ*). Người phụ nữ dẫn N đi trước còn người đàn ông đưa cho K 20.000.000VNĐ (*loại tiền mệnh giá 500.000 VNĐ*) và bảo K quay về Việt Nam ngay. K theo đường cũ quay lại lấy xe về huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái gặp T. Sau khi nhận tiền T đã chia cho K 10.000.000 VNĐ rồi ai về nhà đấy, số tiền này các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 02/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La đã cho Lờ A T nhận dạng người đã được T nhờ đưa Sông Thị N sang Trung Quốc bán,

xác định người đó là Lò A K (tên gọi khác là Kh hay C), sinh ngày 15/8/2093, trú tại DCN, xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Kết quả điều tra K thừa nhận việc cùng T bán N sang Trung Quốc và được chia 10.000.000 VNĐ.

Về trách bồi thường dân sự: Người bị hại Sòng Thị N và đại diện ủy quyền của bị hại yêu cầu các bị cáo Lò A T, Lò A K bồi thường số tiền 100.000.000VNĐ. Hiện gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền là 25.000.000VNĐ.

Tại bản Cáo trạng số: 171/CT-VKSSL-P2 ngày 20/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò A T (tên gọi khác Lò A T) và bị cáo Lò A K (tên gọi khác Lò A K; Lò A C) về tội: Tội mua bán người được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Lò A T, Lò A K khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng quyết định truy tố, ngoài ra các bị cáo không khai báo gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Sòng A S đề nghị ghi nhận sự tự nguyện bồi khắc phục hậu quả của các bị cáo Lò A T và Lò A K đã tự nguyện bồi thường trước cho bị hại Sòng Thị N số tiền là 25.000.000 đồng. Đề nghị các bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại Sòng Thị N số tiền thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 60.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm. Các bị cáo Lò A T, Lò A K nhất trí bồi thường thiệt hại cho bị hại Sòng Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lò A C đã bồi thường thay cho các bị cáo Lò A T, Lò A K số tiền cho gia đình bị hại do ông Sòng A S là đại diện, số tiền là 25.000.000 đồng. Nay không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả và bồi thường lại cho ông số tiền đã bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, trình bày luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lò A T (tên gọi khác Lò A T) và bị cáo Lò A K (tên gọi khác Lò A K; Lò A C) phạm tội: Tội mua bán người.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Đề nghị Xử phạt bị cáo Lò A T mức án phạt tù từ 8 năm tù đến 9 năm tù.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: Đề nghị Xử phạt bị cáo Lò A K mức án phạt tù từ 8 năm tù đến 9 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò A T, Lò A K được quy định tại khoản 3 Điều 119 Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện bồi thường dân sự của các bị cáo Lò A T, Lò A K đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Sòng Thị N là 25.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn) và tại phiên tòa các bị cáo nhất trí bồi thường tiếp cho bị hại Sòng Thị N số tiền thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn).

Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện bồi thường dân sự của người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án ông Lò A C đã bồi thường thay cho bị cáo Lò A T và không yêu cầu bị cáo Lò A T hoàn trả số tiền đã bồi thường.

Về án phí: Các bị cáo Lò A T, Lò A K phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Các bị cáo tranh luận và đối đáp đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 để khởi tố, truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không bị oan sai. Nhưng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, mức án phạt tù đề nghị xử phạt các bị cáo là quá nặng đề nghị xem xét giảm nhẹ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại ông Sòng A S, người có quyền có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lò A C nhất trí như quan điểm giải quyết vụ án về phần dân sự của Viện kiểm sát không tranh luận, đối đáp.

Qua tranh luận và đối đáp, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và quan điểm luận tội đối với các bị cáo tại phiên tòa, không tranh luận đối đáp gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Cơ quan điều tra công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại về phần dân sự và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Ngày 04/02/2016, bị cáo Lò A T đã dùng thủ đoạn gian dối là sẽ đi tìm việc làm cho chị Sòng Thị N, nhưng mục đích là để bán chị Sòng Thị N sang Trung Quốc. Ngày 05/02/2016 sau khi đưa chị N từ huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đến địa phận tỉnh Lai Châu. Lò A T đã giao chị Sòng Thị N cho Lò A K đưa chị N đi theo đường tiểu ngạch ở khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng vượt biên giới sang Trung Quốc bán chị Sòng Thị N cho hai người Trung Quốc với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng chẵn). Sau khi bán chị Sòng Thị N, Lò A T và Lò A K chia nhau số tiền được hưởng lợi mỗi người 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn) từ việc bán chị Sòng Thị N.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Lò A T, Lò A K tại phiên tòa về thời gian, động cơ, mục đích, diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội thống nhất và

phù hợp với nhau; Phù hợp với lời khai của các bị cáo, của người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như:

Đơn tố giác tội phạm của ông Sông A S ngày 26/4/2016 (là bố đẻ của bị hại Sông Thị N).

Đơn đề nghị ngày 7/6/2023 của bị hại Sông Thị N trình bày về hành vi phạm tội của Lờ A T, Lờ A K.

Biên bản phiên dịch file âm thanh từ tiếng dân tộc Mông sang tiếng phổ thông tại Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La ngày 28/4/2017, về việc phiên dịch cuộc hội thoại giữa ông Sông A S và chị Sông Thị N.

Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản ghi lời khai của bị hại Sông Thị N tại cơ quan điều tra.

Từ các căn cứ nêu trên, trên cơ sở đó có đầy đủ căn cứ, kết luận bị cáo Lờ A T, bị cáo Lờ A K phạm tội; Tội mua bán người, được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội: Tội mua bán người, có sự thay đổi về mức hình phạt áp dụng nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 và tại thời điểm phạm tội theo hướng có lợi đối với bị cáo Lờ A T, Lờ A K để khởi tố, truy tố, xét xử đối với các bị cáo. Như Quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Lờ A T và bị cáo Lờ A K đã dùng thủ đoạn gian dối lừa bán chị Sông Thị N cho hai người Trung Quốc (không biết tên, tuổi, địa chỉ) với mục đích để được hưởng số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn). Hành vi phạm tội của các bị cáo vi phạm điểm đ “Đưa ra nước ngoài” khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 20 năm tù giam.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vị trí vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo Lờ A T, Lờ A K đã dùng thủ đoạn gian dối, thực hiện hành vi mua bán trao đổi phụ nữ, đưa chị Sông Thị N đi nước ngoài (Trung Quốc) đến bán cho người khác. Xâm phạm nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của người phụ nữ. Là nguy hiểm cho xã hội, không những làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trong nước, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến quan hệ ngoại giao và an ninh biên giới, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nhằm mục đích vụ lợi, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đảm bảo được tính răn đe và phòng ngừa chung.

Xét vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lờ A T là người thực hành tích cực và trực tiếp dụ dỗ, lừa gạt người bị hại Sông Thị N đi nước ngoài lao động, mục đích để bán cho đàn ông Trung Quốc, bị cáo là người trực

tiếp trao đổi thỏa thuận giá mua bán người với người đàn ông Trung Quốc. Đối với bị cáo Lò A K, được xác định là người trực tiếp đưa Sòng Thị N vượt biên giới sang Trung Quốc bán Sòng Thị N cho hai người Trung Quốc (không biết, tên, tuổi, địa chỉ) và nhận số tiền 20.000.000 đồng. Do xác định bị cáo Lò A T là khởi xướng thực hiện hành vi, còn bị cáo Lò A K là người thực hành, trực tiếp trao đổi nhận tiền. Các bị cáo Lò A T, Lò A K phạm tội trong trường hợp đồng phạm vận dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt

Về nhân thân: Đối với bị cáo Lò A T, bị cáo không có tiền sự, có 02 tiền án ngày 20/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xử phạt 03 năm 9 tháng tù về tội “*Vận chuyển trái phép vật liệu nổ*” (đã xóa án tích); Ngày 28/12/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 08 năm tù về tội: Tội mua bán người.

Đối với bị cáo Lò A K, bị cáo không có tiền sự, có 01 tiền án, ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 06 năm tù về tội; Tội mua bán người (chưa xóa án tích).

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lò A T, Lò A K do Bản án này xét xử hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước so với hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị xét xử. Nên không xem xét tình tiết tăng nặng tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, các bị cáo Lò A T, Lò A K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; ngoài ra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường 25.000.000 đồng cho phía gia đình bị hại. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ. Cần lên một mức án tương xứng với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, biện pháp trừng trị, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo Lò A T đang chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật, Bản án số 48/2017/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái; Xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù về tội; Tội mua bán người. Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định. Thời gian chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

[6] Bị cáo Lò A K đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy thời hạn tạm giam của bị cáo còn trên 45 ngày, duy trì Quyết định tạm giam số: 80/2023/HSST-QĐTG ngày 20/11/2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đối với bị cáo Lò A K. Bị cáo Lò A T đang chấp hành Bản án số: 48/2017/HSST ngày

18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam tại Bản án số 48/2017/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 199 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử xét thấy, xét các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định không có khả năng thi hành không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét lời đề nghị của bị hại Sông Thị N, đại diện theo ủy quyền của bị hại và sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự giữa các bị cáo và bị hại tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo và bị hại, Các bị cáo Lờ A T, Lờ A K có trách nhiệm bồi thường dân sự tiếp cho bị hại Sông Thị N. Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường dân sự của người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án ông Lờ A C đã bồi thường thay cho bị cáo Lờ A T và không yêu cầu bị cáo Lờ A T hoàn trả số tiền đã bồi thường. Vận dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 584, Điều 585, Điều 592 Bộ luật Dân sự.

[9] Đối với đối tượng liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông tên S, quốc tịch Trung Quốc và người phụ nữ quốc tịch Trung Quốc. Quá trình điều tra các bị cáo Lờ A T, Lờ A K và bị hại Sông Thị N không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và không nhớ số điện thoại của S và người phụ nữ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Sơn La không có căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ đối tượng tên S và người phụ nữ quốc tịch Trung Quốc.

[10] Về vật chứng vụ án và tài sản liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng, tài sản gì liên quan.

[11] Về án phí: Do các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng bản, xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, Theo Quyết định số 861/QĐ-CP ngày 4 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Lờ A T, Lờ A K.

[11] Các bị cáo, người bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, vận dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Lờ A T (tên gọi khác Lờ A T) phạm tội: Tội mua bán người.

Xử phạt bị cáo Lờ A T (tên gọi khác Lờ A T) 7 (bảy) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt với Bản án số: 48/2017/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt bị cáo Lờ A T 08 (tám) năm tù về tội: Tội mua bán người. Buộc bị cáo Lờ A T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (mười lăm) năm tù. “Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam tại Bản án số: 48/2017/HSST ngày 18/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái là ngày 23/5/2017”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lờ A T được quy định tại khoản 3 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119; điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo Lờ A K (tên gọi khác Lờ A K, Lờ A C) phạm tội: Tội mua bán người.

Xử phạt bị cáo Lờ A K (tên gọi khác Lờ A K, Lờ A C) 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, “Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 08/9/2023”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lờ A K được quy định tại khoản 3 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 592 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận sự tự nguyện bồi thường dân sự của các bị cáo Lờ A T, Lờ A K đã trực tiếp và tác động gia đình bồi thường cho bị hại Sòng Thị N là 25.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng chẵn).

Chấp nhận sự tự nguyện, thỏa thuận bồi thường dân sự tại phiên tòa giữa đại diện theo ủy quyền của bị hại và các bị cáo Lờ A T và Lờ A K. Các bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường tiếp cho bị hại Sòng Thị N số tiền thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại và một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng chẵn).

Chấp nhận sự tự nguyện về trách nhiệm dân sự của người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án ông Lờ A C đã bồi thường thay cho bị cáo Lờ A T và Lờ A K và không yêu cầu bị cáo Lờ A Trống hoàn trả số tiền đã bồi thường cho bị hại.

4. Án phí: Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo Lờ A T, Lờ A K.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của người bị hại (về phần dân sự), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13/12/2023)./.

Bị hại Sòng Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Trại giam Hồng Ca, tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Thị Hương

Trịnh Lan Anh

Đỗ Tuấn Long